

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 139/2025/DS-PT

Ngày 10 - 9 - 2025

“V/v tranh chấp kiện đòi tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tú

Bà Triệu Thị Luyện

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 190/2025/TLPT- DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản” do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 194/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 114/2025/QĐ - PT ngày 23/8/2025; thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 199/TB-TA ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Văn Hữu H, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (Nay là: Thôn D, xã H, tỉnh Bắc Ninh).

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn T; bà Phạm Thị G - Thuộc Văn phòng luật sư Bách Gia T1. Địa chỉ: Số D đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (nay là phường B, tỉnh Bắc Ninh) Theo hợp đồng Ủy quyền số 412/HĐUQ ngày 04/12/2024. Ông T có mặt, bà G vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Đinh Thị Vân A, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh)

Đại diện theo uỷ quyền theo uỷ quyền: Ông Vũ Minh T2, sinh năm 1993. Nơi cư trú: số nhà A, ngõ H, đường N, tổ E, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc

Giang (nay là phường B, tỉnh Bắc Ninh). Theo hợp đồng ủy quyền ngày 30/12/2024. Ông T2 có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang (nay là thôn D, xã H, tỉnh Bắc Ninh). Có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Đinh Thị Vân A

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh) nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn Văn Hữu H và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Anh Văn Hữu H và chị Đinh Thị Vân A có quan hệ quen biết thông qua việc kinh doanh bất động sản. Do vậy, khi chị Vân A đặt vấn đề vay tiền để làm ăn, anh H đồng ý cho vay. Anh H đã chuyển khoản cho chị Vân A theo số tài khoản 855386666 của chị Vân A mở tại Ngân hàng TMCP V1 cho vay số tiền cụ thể như sau: Ngày 22/3/2022 chuyển khoản cho chị Vân A số tiền 200.000.000 đồng và ngày 23/3/2022 chuyển khoản cho chị Vân A số tiền 640.000.000 đồng. Tổng số tiền anh H chuyển cho chị Vân A vay là 840.000.000 đồng (tám trăm bốn mươi triệu đồng). Khi cho vay hai bên không viết giấy vay tiền, chỉ nói miệng với nhau, thời hạn vay là 03 tháng, không tính lãi suất. Hết thời hạn vay, nhiều lần anh H yêu cầu chị Vân A trả nợ nhưng chị Vân A không trả. Nay anh H yêu cầu Tòa án buộc chị Đinh Thị Vân A trả lại anh H số tiền đã cho chị Đinh Thị Vân A vay gốc là 840.000.000 đồng (T4 trăm bốn mươi triệu đồng), anh H không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn chị Đinh Thị Vân A và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thông qua anh Nguyễn Quang V, sinh ngày 12/7/1991 - là nhân viên của Công ty cổ phần B (sau đây gọi là Công ty A) có địa chỉ tại số B Đ, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, chị Vân A có mua 02 lô đất tại dự án dân cư xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do không có nhu cầu sử dụng nên ngày 22/3/2022, chị Vân A chuyển nhượng lại 01 lô đất số 34 LK2 cho anh Văn Hữu H với số tiền 840.000.000 đồng. Sau đó, tại trụ sở Công ty B, anh Văn Hữu H, anh Nguyễn Quang V và ông Nguyễn Văn T5 là chủ tịch Hội đồng quản trị đã tiến hành hủy hợp đồng giữa chị Vân A và Công ty B và tiến hành ký kết hợp đồng giữa công ty B với anh Văn Hữu H. Do vậy chị Vân A xác định mối quan hệ giữa chị và anh H là quan hệ mua bán, không phải quan hệ vay mượn tài sản. Trong số tiền 840.000.000 đồng chị Vân A nhận chuyển khoản ngày 22/3/2022 là 200.000.000 đồng và ngày 23/3/2022 là 640.000.000 đồng của anh H, chị Vân A đã nộp cho Công ty B và ông V số tiền 700.000.000 đồng, còn 140.000.000 đồng là tiền lợi nhuận của chị Vân A được hưởng do hưởng chênh lệch giữa giá công ty B và giá chị Vân A bán cho anh H. Số tiền 840.000.000 đồng anh Văn Hữu H chuyển khoản cho chị là tiền mua bán đất tại dự án dân cư xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang do Công ty B là chủ đầu tư, giữa chị, anh H và Công ty B không có hợp đồng ký

kết gì. Chị không có tài liệu, chứng cứ gì về việc chị mua hai lô đất tại dự án dân cư xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang và cũng không có giấy tờ gì để xác định quyền sở hữu đối với lô đất chuyển nhượng cho anh H là của chị đã mua của Công ty B. Tuy nhiên có tin nhắn giữa chị và anh H ngày 23/3/2022 đã thể hiện rõ việc chị và anh H xác nhận chuyển tiền để mua lô đất LK2 lô 34 của chị. Do đó chị Vân A đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T3 trình bày:* Chị là vợ của anh Văn Hữu H, sinh năm 1982. Khi anh H cho chị Đinh Thị Vân A vay số tiền 840.000.000 đồng chị không biết, vài tháng sau anh H thông báo thì chị mới biết việc vay mượn giữa anh H và chị Vân A. Nay chị xác định số tiền anh H cho chị Đinh Thị Vân A vay là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, chị yêu cầu Tòa án buộc chị Đinh Thị Vân A trả lại cho chị và anh H số tiền 840.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 23/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh) đã căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 166; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Văn Hữu H. Buộc chị Đinh Thị Vân A trả cho anh Văn Hữu H và chị Nguyễn Thị T3 số tiền 840.000.000 đồng (T4 trăm bốn mươi triệu đồng). Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/6/2025 chị Đinh Thị Vân A kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do Bản án sơ thẩm không xem xét đầy đủ, khách quan các tình tiết, không thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, không đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vào vụ án theo yêu cầu của bị đơn, dẫn đến ảnh hưởng đến danh dự, quyền lợi ích hợp pháp của chị. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị triệu tập đầy đủ các đương sự, người làm chứng trong vụ án.

Quá trình xét xử theo thủ tục phúc thẩm, Tòa án đã có công văn số 106/TA-DS ngày 27/8/2025 về việc thu thập tài liệu, chứng cứ và đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ việc anh Văn Đức H1 tố cáo chị Vân A có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong quá trình thực hiện giao dịch chuyển nhượng đất. Ngoài ra, chị Đinh Thị Vân A còn giao nộp một số tài liệu, chứng cứ như vi bằng, chứng từ thanh toán chuyển khoản trả anh H1 số tiền 70.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đinh Thị Vân A không rút kháng cáo, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được việc giải

quyết tranh chấp.

Chị Đinh Thị Vân A và đại diện theo uỷ quyền trình bày: Chị không vay tiền của anh Văn Đức H1. Số tiền anh H1 chuyển cho chị là do chị chuyển nhượng cho anh H1 lô đất 34 LK2, tại khu dân cư T chị đã mua lại của ông Nguyễn Quang V, ông V mua lại của Công ty B. Sau khi nhận tiền của ông H1, chị đã chuyển lại số tiền 700.000.000 đồng cho ông V và ông V đã chuyển số tiền này cho Công ty B. Sau đó chị đã cùng ông H1 đến Công ty A1 hợp đồng của chị, đồng thời Công ty B đã trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng với anh H1, do đó, chị không liên quan nữa. Việc Toà án sơ thẩm xác định chị vay tiền của anh H1 là sai. Toà án sơ thẩm cũng không đưa người liên quan là Công ty B, ông Hoàng Văn T6, ông Nguyễn Quang V tham gia tố tụng, không thu thập tài liệu chứng cứ tại cơ quan Cảnh sát điều tra theo yêu cầu của chị là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, dẫn đến không đánh giá khách quan, đầy đủ các tình tiết liên quan đến việc nhượng quyền, góp vốn vì bản chất quan hệ pháp luật là góp vốn đầu tư trên cơ sở tự nguyện thoả thuận. Do đó đề nghị HĐXX phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm. Đối với số tiền 70.000.000 đồng chị chuyển cho anh H1 ngày 17/10/2024 là tiền chênh lệch chị nhận khi chuyển nhượng lô 34 LK2 cho anh H1, nội dung trong chứng từ chuyển khoản đã ghi rõ, đề nghị HĐXX xem xét.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Anh H1 chỉ yêu cầu chị Đinh Thị Vân A trả lại số tiền 840.000.000 đồng đã chuyển khoản, Toà án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn không đồng ý việc chị Vân A trình bày đã trả lại cho anh H1 số tiền 70.000.000 đồng theo tài liệu, chứng từ chuyển khoản do chị Vân A cung cấp. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là: BLTTDS). Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của chị Đinh Thị Vân A, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đại diện Viện kiểm sát xác định có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 308, điều 313 BLTTDS: chấp nhận một phần kháng cáo của chị Đinh Thị Vân A, sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận trừ số tiền 70.000.000 đồng chị Vân A đã thanh toán cho anh H1 ngày 27/10/2024 vào số tiền chị Vân A phải trả cho anh H1, chị T3, không chấp nhận các nội dung kháng cáo khác. Buộc chị Vân A phải trả cho anh H1, chị T3 số tiền còn lại 770.000.000 đồng. Chị Vân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn và đại diện theo uỷ quyền có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, HĐXX căn cứ Điều 296 BLTTDS xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Chị Đinh Thị Vân A kháng cáo trong thời hạn, thực hiện đúng nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, HĐXX chấp nhận xem xét kháng cáo của chị Vân A theo quy định.

[3]. Xét kháng cáo của chị Đinh Thị Vân A, HĐXX thấy:

[4]. Chị Đinh Thị Vân A thừa nhận có nhận số tiền 840.000.000 đồng của anh Văn Đức H1 bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng, cụ thể ngày 22/3/2022 anh H1 chuyển cho chị Vân A số tiền 200.000.000 đồng từ tài khoản của anh H1 số 198296868 tại Ngân hàng TMCP Q đến tài khoản của chị Vân A số 855386666 tại Ngân hàng TMCP V1 và ngày 23/6/2022, anh H1 tiếp tục chuyển cho chị Vân A số tiền 640.000.000 đồng cũng từ tài khoản trên của anh H1 đến tài khoản của chị Vân A tại Ngân hàng TMCP V1. Như vậy, lời khai của chị Vân A hoàn toàn phù hợp với lời khai của anh H1 và sao kê tài khoản tại Ngân hàng anh H1 đã giao nộp. Có căn cứ xác định chị Đinh Thị Vân A đã nhận số tiền 840.000.000 đồng từ anh Văn Đức H1.

[5]. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh H1 xác định khoản tiền trên anh H1 cho chị Vân A vay, tuy nhiên chị Vân A xác định đây là khoản tiền chị Vân A đã nhận từ anh H1 do đã chuyển nhượng lô đất 34LK2 tại khu dân cư T, L, Bắc Giang là lô đất chị Vân A mua của công ty B1 (viết tắt là Công ty B) có địa chỉ văn phòng giao dịch tại khu Đ, phường N, thành phố B. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ chị Vân A giao nộp là các tin nhắn giữa chị Vân A và anh H1, đơn trình báo của anh H1 đối với chị Vân A gửi đến cơ quan công an, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, có cơ sở xác định khoản tiền anh H1 chuyển cho chị Vân A ngày 22/3/2022 và ngày 23/3/2022 nêu trên là tiền giao dịch chuyển nhượng lô đất số 34 LK2 mà chị Vân A chuyển nhượng cho anh H1. Do đó, anh H1 đòi lại số tiền trên và Toà án cấp sơ thẩm đã xác định tranh chấp giữa anh H1 và chị Vân A là “Tranh chấp kiện đòi tài sản” là đúng quy định.

[6]. Đối với việc chị Vân A khai nhận sau khi anh H1 chuyển tiền cho chị Vân A, chị Vân A đã chuyển số tiền 700.000.000 đồng cho công ty B qua tài khoản của ông Nguyễn Quang V là phó giám đốc công ty, sau đó chị Vân A và anh H1 đã đến công ty B để làm thủ tục huỷ hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên giữa Công ty B và chị Vân A, đồng thời đại diện công ty B và anh H1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên với nhau, nên Chị Vân A không có nghĩa vụ trả lại tiền cho anh H1 theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Lời khai của chị Vân A không được anh H1 chấp nhận. Xem xét các tin nhắn giữa anh H1 và chị Vân A trong điện thoại đã được lập vi bằng do chị Vân A cung cấp, HĐXX thấy nội dung các tin nhắn đã thể hiện việc anh H1 đòi tiền chị Vân A vì lý do chị Vân A không có đất để bàn giao cho anh như đã thoả thuận khi giao dịch chuyển nhượng đất và chị Vân A chỉ có ý kiến đã và đang yêu cầu công ty B giải quyết, ngoài ra

không có bất cứ ý kiến, tin nhắn nào thể hiện việc công ty B đã ký hợp đồng chuyển nhượng đất trực tiếp với anh H1. Các tài liệu, chứng cứ do cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh B cung cấp cho Tòa án khi giải quyết đơn tố cáo của anh Văn Đức H1 đối với chị Đinh Thị Vân A về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản cho thấy, tại biên bản ghi lời khai của cơ quan điều tra, chị Vân A thừa nhận khi giao dịch với anh H1, thừa đất chị chuyển nhượng nêu trên không có và đến nay dự án này chưa được phê duyệt thực hiện, do đó không có đất để thực hiện việc chuyển nhượng cho anh H1, đồng thời chị Vân A cũng nhận trách nhiệm trả lại cho anh H1 số tiền đã nhận do chuyển nhượng đất. Như vậy, việc chị Vân A thoả thuận chuyển nhượng đất cho anh H1, đã nhận tiền nhưng không có đất để bàn giao cho anh H1 là đã vi phạm thoả thuận, vi phạm quy định của pháp luật. Chị Vân A có lời khai xác định chỉ chuyển nhượng quyền góp vốn vào công ty B với anh H1, nhưng không chứng minh được việc có quyền để thực hiện các giao dịch trên, ngoài ra chị Vân A không chứng minh được việc có thoả thuận giữa chị, anh H1 và công ty B về việc chuyển quyền, nghĩa vụ cho nhau, việc ký kết giữa các bên như lời khai của chị. Do đó, anh H1 khởi kiện yêu cầu chị Vân A trả lại số tiền đã chuyển cho chị Vân A là có căn cứ và đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp quy định tại điều 166 Bộ luật dân sự.

[7]. Đối với việc chị Vân A đề nghị Tòa án đưa công ty B và ông Nguyễn Quang V, HĐXX thấy, chị Vân A là người trực tiếp giao dịch với anh H1 khi chuyển nhượng cho anh H1 lô đất 34 LK2 nêu trên. Ngoài ra, như đã phân tích chị Vân A không đưa ra được bất cứ tài liệu nào chứng minh có thoả thuận giữa chị, anh H1 và Công ty B về nội dung công ty B chuyển nhượng lô đất 34LK2 chưa có trên thực tế cho anh H1. Do đó, chị Vân A yêu cầu đưa những người trên tham gia tố tụng là không có căn cứ.

[8]. Tại phiên toà phúc thẩm, chị Đinh Thị Vân A đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là sổ phụ kiểm phiếu báo nợ, báo có của Ngân hàng TMCP V1, xác nhận ngày 17/10/2024 chị Vân A đã chuyển số tiền 70.000.000 đồng từ tài khoản số 855386666 của chị tại Ngân hàng trên đến tài khoản số 198296868 của anh Văn Đức H1 tại Ngân hàng Q, nội dung giao dịch thể hiện “*Đinh Thị Vân A chuyển trả tiền chênh lk2 lô 34 kdc T, L, Bắc Giang*”. Mặc dù, đại diện theo uỷ quyền của anh H1 không thừa nhận và xác định đây là khoản tiền chị Vân A trả anh H1 liên quan đến giao dịch khác. Tuy nhiên căn cứ lời khai của chị Vân A, nội dung tài liệu, chứng cứ trên, HĐXX xác định đây là chứng cứ chứng minh chị Đinh Thị Vân A đã trả lại cho anh H1 được số tiền 70.000.000 đồng liên quan đến giao dịch giữa chị Vân A và anh H1 đối với lô đất 34 LK2, khu dân cư T, L. Do đó, cần chấp nhận đây là chứng cứ hợp lệ để trừ vào số tiền chị Vân A phải trả cho anh H1.

[9]. Từ những phân tích trên, HĐXX phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Văn Đức H1 là có căn cứ. Tuy nhiên do tại cấp phúc thẩm có tình tiết mới phát sinh nên HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của chị Vân A, sửa một phần bản án sơ thẩm, xác định số tiền chị Vân A còn phải trả cho anh H1 là 770.000.000 đồng. HĐXX phúc thẩm nhất trí ý

kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tại phiên toà. Do đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[10]. Về án phí: Căn cứ điều 147; khoản 2 điều 148 BLTTDS; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đinh Thị Vân A được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Đối với án phí sơ thẩm chị Vân A phải chịu trên nghĩa vụ phải thực hiện với anh H1.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, điều 313 của BLTTDS. Điều 147; điều 148 BLTTDS; Điều 166; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26; Khoản 2 điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Đinh Thị Vân A. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 64/2025/DS-ST ngày 23/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh).

Buộc chị Đinh Thị Vân A phải trả cho anh Văn Hữu H, chị Nguyễn Thị T3 số tiền 770.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

Chị Đinh Thị Vân A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị Đinh Thị Vân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.800.000 đồng (ba mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng).

Đối với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng chị Vân A đã nộp theo biên lai thu số 0000789 ngày 24/6/2025 của chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Bắc Ninh) được trả lại cho chị Vân A sau khi chị Vân A đã thực hiện xong các nghĩa vụ thi hành án.

Hoàn trả anh Văn Đức H1 số tiền tạm ứng án phí 18.600.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004374 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà (nay là Phòng thi hành án khu vực 2 – Bắc Ninh).

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh
- TAND khu vực 2- Bắc Ninh;
- Cục THADS; Phòng THADS
khu vực 2 – Bắc Ninh
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng